

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày 20/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Bằng.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như Trang;

Bà Đoàn Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Nhà Văn hóa thôn Đ, xã Á, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2025/TLST-HS ngày 26/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HS ngày 08/01/2026, đối với bị cáo: **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 31 tháng 08 năm 1995 tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Thẻ căn cước công dân số 034095000467; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị D; có vợ là Vi Thị T2 và 02 con, lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/9/2025, chuyển tạm giam ngày 02/10/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh H (có mặt).- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (có mặt);

- Người chứng kiến: Ông Phan Văn T3, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt) và ông Trần Đức Y, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/9/2025, Nguyễn Trọng T, sinh năm 1995, trú tại thôn M, xã Đ, tỉnh Hưng Yên đi xe đạp điện màu đen nhãn hiệu NL 88

OSAKAR (xe của mẹ đẻ bà Phạm Thị D) đi từ nhà đến khu vực nghĩa trang thuộc thôn H, xã Đ, tỉnh Hưng Yên để tìm mua ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, khi đến nơi bị cáo Nguyễn Trọng T gặp một người đàn ông không quen biết, bị cáo T không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này, bị cáo T hỏi người đàn ông này để mua 500.000 đồng ma túy đá, người đàn ông nghe thấy bị cáo T hỏi mua ma túy đá thì đồng ý bán, bị cáo T đưa cho người đàn ông này 500.000 đồng, người đàn ông này nhận tiền và lấy ra 01 gói ma túy bên ngoài được cuốn bằng băng dính trong suốt bên trong là túi nilon màu đen và trong cùng chứa chất tinh thể trong suốt màu trắng, bị cáo T nhận gói ma túy đem về. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày bị cáo T cầm gói ma túy mua được đi đến khu vực bãi rác thuộc thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị lực lượng Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên đang tuần tra phát hiện bắt quả tang, trước sự chứng kiến người chứng kiến của ông Phan Văn T3 và ông Trần Đức Y, bị cáo T tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước đang mặc ra 01 gói nhỏ bên ngoài cuốn băng dính trong suốt, bên trong túi nilon màu đen, trong cùng chứa chất tinh thể trong suốt để giao nộp cho Cơ quan Công an và khai nhận là ma túy mua về sử dụng cho bản thân. Cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng thu được theo quy định của pháp luật, khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo T không thu giữ đồ vật, tài sản gì, tiến hành xét nghiệm nhanh chất ma túy trong nước tiểu đối với bị cáo T ngày 23/9/2025 có kết quả âm tính với ma túy, bị cáo T không nằm trong danh sách đối tượng đang trong thời hạn cai nghiện, điều trị cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy.

Kết luận giám định số 1303/KL-KTHS ngày 29/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: “*Mẫu vật thu được của Nguyễn Trọng T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1736 gam*”.

Tại bản Cáo trạng số 49/2025/CT-VKS-KV6 ngày 25/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Trọng T thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 296, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 03 (ba) năm tù, đến 03 (ba) năm 03 (tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2025.

- Về Xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 1303/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,1491 gam ma túy Methamphetamine và toàn bộ bao gói quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H (sau đây viết tắt là CQĐT) ngày 23/9/2025 đã ra quyết định trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị D 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu NL 88 OSAKAR.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trọng T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Trọng T không có ý kiến tranh luận, bào chữa; bị cáo T nói lời sau cùng, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện trong vụ án, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt những người chứng kiến, tuy nhiên trong hồ sơ đã có lời khai của họ, căn cứ vào Điều 296 của BLTTHS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo trình tự chung.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Trọng T tại phiên tòa sơ thẩm là hoàn toàn khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt

người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với vật chứng thu giữ và kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh H về chất ma túy thu được của bị cáo T là loại ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,1736 gam. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định, do có nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân, nên vào hồi 23 giờ 15 phút ngày 23/9/2025 bị cáo T đã cầm gói ma túy mua được đến bãi rác thuộc khu vực thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên để sử dụng, thì bị tổ công tác của Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên kiểm tra bắt giữ.

[3] Với hành vi mua gói ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,1736 gam với mục đích sử dụng cho bản thân của bị cáo T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS. Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:... c) Heroin, C, Methamphetamine... có khối lượng từ 0,1 gam đến 05 gam...”*

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền quản lý, sử dụng độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn và tội phạm khác. Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ hủy hoại sức khỏe của bản thân mà còn làm suy thoái giống nòi, khánh kiệt kinh tế, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, bản thân bị cáo phải nhận thức được tác hại của ma túy đối với người sử dụng, đối với xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý mua ma túy Methamphetamine khối lượng 0,1736 gam, để phục vụ nhu cầu sử dụng của bản thân.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bà nội Nguyễn Thị V được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] HĐXX căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo T đã gây ra, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, thấy cần phải áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 38 của BLHS để quyết định một hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và dằn trặc, phòng ngừa tội phạm.

[6] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, thì theo quy định của khoản 5 Điều 249 của BLHS, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung “*phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, nhưng HĐXX xét thấy do bị cáo T tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, do đó HĐXX xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[7] Bị cáo T khai về nguồn gốc gói ma túy là mua được của 01 người đàn ông không quen biết tại khu vực nghĩa trang T4, xã Đ, tỉnh Hưng Yên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/9/2025. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không có căn cứ để xử lý đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS. Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 0,1491 gam ma túy M và toàn bộ bao gói quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định, ký hiệu số 1303/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H là vật chứng của vụ án, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy. Đối với 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu NL 88 OSAKAR mà bị cáo T đã sử dụng để đi mua ma túy về sử dụng, qua điều tra chứng minh chiếc xe đạp điện này là của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị D là mẹ đẻ của bị cáo T, khi lấy xe đi mua ma túy bị cáo tài không nói cho bà D biết là lấy xe đi mua ma túy, bà D cũng không biết bị cáo T lấy xe của mình đi mua ma túy vào ngày 23/9/2025. Vì vậy, CQĐT ngày 15/12/2025 đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Phạm Thị D chiếc xe đạp điện nêu trên, bà D đã nhận lại xe và không có ý kiến, đề nghị gì, HĐXX xét thấy việc xử lý vật chứng của CQĐT là đúng thẩm quyền, không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS. Bị cáo Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2017, 2024, 2025. Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 296, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/9/2025.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy 01 phong bì niêm phong, bên trong chứa 0,1491 gam ma túy Methamphetamine và toàn bộ bao gói quản lý của bị cáo được hoàn lại sau giám định, ký hiệu số 1303/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H ngày 15/12/2025 đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị D 01 xe đạp điện màu đen nhãn hiệu NL 88 OSAKAR.

(*Vật chứng của vụ án đã chuyển Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản để ngày 25/12/2025*).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Trọng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị D có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Xuân Bằng